

**Số: 3060/BVHTTDL-KHTC**

V/v Hướng dẫn xây dựng Kế hoạch phát triển  
sự nghiệp ngành văn hoá, thể thao và du lịch  
và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2018.

*Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2017*

Kính gửi:

- |                                   |  |
|-----------------------------------|--|
| - Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch | các tỉnh, thành phố trực<br>thuộc Trung ương |
| - Sở Văn hóa và Thể thao          |  |
| - Sở Du lịch                      |  |

Thực hiện Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 05 tháng 7 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2018;

Căn cứ hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 5598/BKHĐT-TH ngày 10 tháng 7 năm 2017 về việc lập Kế hoạch đầu tư công năm 2018 và Công văn số 5610/BKHĐT-TH ngày 11 tháng 7 năm 2017 về việc Khung hướng dẫn xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018.

Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch hướng dẫn các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao và Sở Du lịch tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về một số nội dung chủ yếu trong việc xây dựng kế hoạch phát triển sự nghiệp Ngành văn hoá, thể thao và du lịch và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2018, cụ thể như sau:

**A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP NGÀNH VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH NĂM 2017:**

***1. VỀ PHẠM VI, THỜI GIAN VÀ CÁC YÊU CẦU ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH:***

***1. Phạm vi đánh giá:***

Căn cứ lĩnh vực được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố giao tham mưu quản lý Nhà nước, các Sở đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển sự nghiệp về văn hóa, thể thao và du lịch trên phạm vi toàn tỉnh, thành phố.

***2. Thời gian đánh giá:***

Kết quả thực hiện 06 tháng đầu năm 2017 (mốc thời gian đến hết ngày 30/6/2017), có cập nhật đến hết tháng 7/2017 và ước thực hiện cả năm 2017 (mốc thời gian đến hết ngày 31/12/2017).

### *3. Các yêu cầu đánh giá:*

- Tình hình thực hiện kế hoạch và các kết quả đạt được, nguyên nhân.
- Hạn chế, tồn tại và khó khăn vướng mắc trong việc thực hiện kế hoạch, nguyên nhân.
- Phương hướng, giải pháp thực hiện trong những tháng cuối năm 2017.

## **II. VỀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CỦA CÁC LĨNH VỰC:**

### *1. Đánh giá tình hình thực hiện các văn bản chỉ đạo, điều hành đẩy mạnh phát triển văn hóa, thể thao và du lịch của Đảng, Quốc hội và Nhà nước:*

Đánh giá tình hình xây dựng những Văn bản triển khai và thực hiện những Nghị quyết, Chỉ thị, Kết luận của Đảng; Luật, Pháp lệnh, Nghị quyết của Quốc hội; Nghị định, Nghị quyết của Chính phủ; Quyết định, Chỉ thị, Kết luận của Thủ tướng Chính phủ và các Văn bản của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về phát triển Ngành và các lĩnh vực. Trong đó, cần đánh giá sâu tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI “Về xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”; Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị “Về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn”; Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới; Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 01/12/2011 của Ban Chấp hành trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về Thể dục, thể thao đến năm 2020; Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; Chỉ thị số 49-CT/TW ngày 21/02/2005 của Ban Bí thư khoá IX về “Xây dựng gia đình thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”; Nghị quyết số 23/2016/QH14 ngày 07/11/2016 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017; Nghị quyết số 24/2016/QH14 ngày 08/11/2016 của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 25/2016/QH14 ngày 09/11/2016 của Quốc hội về Kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 26/2016/QH14 ngày 10/11/2016 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 27/2016/QH14 ngày 11/11/2016 của Quốc hội về Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2016; Nghị quyết số 29/2016/QH14 ngày 14/11/2016 của Quốc hội về Phân bổ ngân sách Trung ương năm 2017; Nghị quyết số 92/NQ-CP ngày 08/12/2014 của Chính phủ về một số giải pháp đẩy mạnh phát triển du lịch Việt Nam trong thời kỳ mới...

2. Đánh giá tình hình ký kết và thực hiện các văn bản điều ước quốc tế, trao đổi, thoả thuận quốc tế, hợp tác quốc tế của Ngành và lĩnh vực về văn hóa, gia đình, thể dục thể thao và du lịch tại địa phương.



3. Đánh giá tình hình thực hiện Đề án “Xây dựng đội ngũ tri thức Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch đến 2020” tại Quyết định số 958/QĐ-TTg ngày 24/6/2010; Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ giảng viên trình độ cao trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật” tại Quyết định số 808/QĐ-TTg ngày 30/5/2011..., khoa học công nghệ và môi trường; cải cách hành chính; đấu tranh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm và chống lãng phí; kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm; và công tác xã hội hoá các lĩnh vực văn hóa, thể dục thể thao.

#### 4. Đánh giá tình hình phát triển sự nghiệp văn hóa, gia đình:

4.1. Đánh giá tình hình xây dựng và trình phê duyệt các Quy hoạch ngành, lĩnh vực về phát triển văn hóa, gia đình tại địa phương (theo hướng dẫn tại Biểu 6 kèm theo Công văn này).

4.2. Đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu 06 tháng đầu năm và ước cả năm 2017 về đầu tư bảo tồn và phát huy giá trị các di tích; bảo tồn, sưu tầm và phát huy di sản văn hoá phi vật thể; số lượng hiện vật bảo tàng được lưu giữ và trưng bày; xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở cụ thể về các hoạt động văn hoá văn nghệ quần chúng, công tác quản lý lễ hội, quảng cáo và Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”; hoạt động văn hoá phục vụ đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi (nếu có); thư viện; điện ảnh (trong đó, đánh giá cụ thể về tình hình triển khai thực hiện Chiến lược và Quy hoạch tổng thể phát triển Điện ảnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại các Quyết định số 2156/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 và Quyết định số 199/QĐ-TTg ngày 25/01/2014); nghệ thuật biểu diễn (trong đó, đánh giá cụ thể về tình hình triển khai thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển Nghệ thuật biểu diễn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại các Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 19/8/2014); bản quyền tác giả; mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm (trong đó, đánh giá cụ thể về tình hình triển khai thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển Mỹ thuật đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại các Quyết định số 1253/QĐ-TTg ngày 25/7/2014)... (các chỉ tiêu cụ thể và % theo hướng dẫn tại Biểu 1 kèm theo Công văn này).

4.3. Đánh giá tình hình xây dựng thiết chế văn hoá các cấp. Trong đó, cần đánh giá về tỷ lệ % thiết chế các cấp được xây dựng trong năm 2017 (bao gồm cả thiết chế văn hóa được đầu tư xây dựng từ nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Nông thôn mới) so với Quyết định số 88/QĐ-TTg ngày 09/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng Quy hoạch và Kế hoạch nâng cấp, xây mới các công trình văn hóa (Nhà văn hóa, rạp chiếu phim, nhà triển lãm) từ năm 2012-2020”; Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Quy hoạch tổng thể thiết chế văn hóa thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, tầm nhìn đến năm 2030”;



Quy hoạch phát triển Văn hoá đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt... (các chỉ tiêu cụ thể và % theo hướng dẫn tại Biểu 1 và Biểu 3 kèm theo Công văn này).

4.4. Đánh giá việc triển khai hướng dẫn và thực hiện các quy định tại Quyết định số 629/QĐ-TTg ngày 29/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chiến lược phát triển Gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030”; Quyết định số 215/QĐ-TTg ngày 06/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về Phòng, chống bạo lực gia đình đến năm 2020 (các chỉ tiêu cụ thể và % theo hướng dẫn tại Biểu 1 kèm theo Công văn này).

#### 5. Đánh giá tình hình phát triển sự nghiệp thể dục thể thao:

5.1. Đánh giá tình hình xây dựng và trình phê duyệt các Quy hoạch ngành, lĩnh vực về phát triển thể dục thể thao tại địa phương (theo hướng dẫn tại Biểu 6 kèm theo Công văn này).

5.2. Đánh giá tình hình thực hiện 06 tháng đầu năm và ước cả năm 2017 so với các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra tại Quyết định số 2198/QĐ-TTg ngày 03/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020”; Quyết định số 2160/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Quy hoạch phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”... (các chỉ tiêu cụ thể và % theo hướng dẫn tại Biểu 1 kèm theo Công văn này). Bao gồm:

a. Các hoạt động thể dục thể thao quần chúng như số người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên; tỷ lệ gia đình tập luyện thể dục thể thao; và số lượng, chất lượng các giải thi đấu phong trào.

b. Thể thao thành tích cao như công tác xây dựng Kế hoạch và triệu tập các trọng tài, huấn luyện viên, vận động viên tham dự các vòng loại Olympic và giải thi đấu quốc tế và trong nước; số lượng vận động viên cao cấp; số lượng các vận động viên trẻ được đào tạo, tập huấn; số lượng huy chương đạt được...

5.3. Đánh giá tình hình đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật thể dục thể thao các cấp. Trong đó, cần đánh giá cụ thể tình hình thực hiện Quy hoạch hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật thể dục, thể thao quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1752/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2013 (theo hướng dẫn tại Biểu 3 kèm theo Công văn này).

#### 6. Đánh giá tình hình phát triển du lịch:

6.1. Đánh giá tình hình xây dựng và trình phê duyệt các Quy hoạch phát triển du lịch của địa phương; Chương trình xúc tiến, quảng bá du lịch; Quy hoạch tổng thể và Quy hoạch chi tiết các Đô thị du lịch, các Khu, Điểm du lịch



quốc gia, các Khu, Điểm du lịch trọng điểm của địa phương theo Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 22/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030” (theo hướng dẫn tại Biểu 6 kèm theo Công văn này). Trong đó, đánh giá cụ thể về tình hình lập, trình phê duyệt Quy hoạch các Khu, Điểm du lịch quốc gia này theo quy định của Luật Du lịch năm 2005 và quá trình cập nhật những thay đổi về quy hoạch du lịch tại Luật Du lịch sửa đổi năm 2017 (nêu rõ tiến độ, thuận lợi, vướng mắc, hạn chế, nguyên nhân).

6.2. Đánh giá tình hình thực hiện 06 tháng đầu năm và ước cả năm 2017 so với các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra tại Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số 2473/QĐ-TTg ngày 30/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ), Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 22/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ) và 07 Quy hoạch du lịch vùng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Bao gồm: Số lượng khách du lịch (quốc tế và nội địa) theo các loại hình phương tiện (đường bộ, đường thủy, đường không); hoạt động quản lý lữ hành và lưu trú du lịch; hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch (các chỉ tiêu cụ thể và % theo hướng dẫn tại Biểu 1 kèm theo Công văn này).

6.3. Đánh giá tình hình đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng du lịch (theo hướng dẫn tại Biểu 3 kèm theo Công văn này): nêu rõ thực trạng chủ đầu tư quản lý nguồn vốn này, đánh giá kết quả đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch, hiệu quả khi đưa công trình vào khai thác sử dụng; những yếu kém, hạn chế và kiến nghị.

### **III. VỀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2017:**

1. Đánh giá tình hình thực hiện thu, chi ngân sách Nhà nước thuộc Ngành văn hoá, thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh, thành phố (các chỉ tiêu cụ thể và % theo hướng dẫn tại Biểu 2 kèm theo Công văn này).

2. Đánh giá tình hình lập, bổ sung, trình phê duyệt và triển khai thực hiện năm 2017 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn ngành văn hoá, thể thao và du lịch 5 năm 2016-2020 tại địa phương theo Luật Đầu tư công, các Nghị định của Chính phủ; các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2016-2020 quy định tại Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH13 ngày 28/8/2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26/8/2016 của Chính phủ, Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ; và của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố (trong đó nêu rõ tiến độ, thuận lợi, vướng mắc, hạn chế, nguyên nhân).



#### **IV. RIÊNG CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG TẠI CÁC VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM:**

1. Thành phố Hà Nội, thành phố Hải Phòng và các tỉnh Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương và Quảng Ninh: Đánh giá kỹ hơn về tình hình triển khai thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển văn hóa, gia đình, thể dục thể thao và du lịch vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1355/QĐ-TTg ngày 14/8/2015.

2. Thành phố Đà Nẵng và các tỉnh Thừa - Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định: Đánh giá kỹ hơn về tình hình triển khai thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển văn hóa, gia đình, thể dục thể thao và du lịch vùng Kinh tế trọng điểm Miền Trung đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2054/QĐ-TTg ngày 13/11/2014.

3. Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Tiền Giang: Đánh giá kỹ hơn về tình hình triển khai thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển văn hóa, gia đình, thể dục thể thao và du lịch vùng Đông Nam Bộ và vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 18/8/2015.

4. Thành phố Cần Thơ và các tỉnh Cà Mau, An Giang, Kiên Giang: Đánh giá kỹ hơn về tình hình triển khai thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 245/QĐ-TTg ngày 12/02/2014.

#### **B. YÊU CẦU VỀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP NGÀNH VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018:**

##### **I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN CHUNG:**

Văn hoá phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội. Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Đầu tư cho văn hoá, gia đình, thể dục thể thao là đầu tư cho con người, cho sự phát triển của đất nước. Xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Phát triển văn hoá, thể dục thể thao vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hoá, thể dục thể thao. Trong xây dựng văn hoá, trọng tâm là xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp, với các đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo. Xây dựng đồng bộ môi trường văn hoá, trong đó chú trọng vai trò của gia đình, cộng

đồng. Phát triển hài hoà giữa kinh tế và văn hoá, thể dục thể thao; cần chú ý đẩy đủ yếu tố văn hoá và con người trong phát triển kinh tế. Xây dựng và phát triển văn hoá, gia đình, thể dục thể thao và du lịch là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân là chủ thể sáng tạo. Tăng tỷ lệ chi ngân sách Nhà nước, ưu tiên đầu tư xây dựng, nâng cấp và cải tạo hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật văn hoá, thể dục thể thao; bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị di sản văn hoá gắn chặt với phát triển du lịch bền vững; huy động mọi nguồn lực của xã hội để phát triển văn hoá, gia đình, thể dục thể thao và du lịch.

Công tác văn hoá, gia đình, thể dục thể thao và du lịch phải chủ động, kịp thời, nhạy bén trong việc tham gia giải quyết những vấn đề cấp bách, bức xúc của xã hội; góp phần quan trọng vào thành tựu và phát triển kinh tế-xã hội và hợp tác hội nhập kinh tế thế giới của đất nước, hoàn thành thắng lợi các mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 05 năm 2016-2020; hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra trong Chiến lược phát triển Văn hóa đến năm 2020, Chiến lược phát triển Gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển Thể dục thể thao đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030...

## **II. MỤC TIÊU CHUNG:**

Phát triển văn hoá và con người Việt nam theo hướng toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học; văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Xây dựng gia đình no ấm, văn hoá, tiến bộ, hạnh phúc. Phát triển sâu rộng thể dục thể thao quần chúng để nâng cao sức khỏe nhân dân, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và tăng tuổi thọ của người Việt Nam, nâng cao vị thế thể thao trong nước và quốc tế. Chú trọng nâng cao mức hưởng thụ văn hóa, thể dục thể thao của vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số để từng bước giảm sự chênh lệch về giữa các vùng miền và dân tộc trong cả nước. Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn theo hướng nâng cao chất lượng dịch vụ, tập trung đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật đồng bộ, hiện đại và phát triển các sản phẩm có chất lượng cao, đa dạng, có thương hiệu, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, cạnh tranh được với các nước trong khu vực và thế giới, nhất là tại các vùng du lịch trọng điểm.

## **III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP NGÀNH VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH NĂM 2018:**

Trên cơ sở tiếp tục quán triệt và thực hiện các Nghị quyết, Chỉ thị, Kết luận của Đảng; Luật, Pháp lệnh, Nghị quyết của Quốc hội; Nghị định, Nghị



*quyết của Chính phủ; Quyết định, Chỉ thị, Kết luận của Thủ tướng Chính phủ và các Văn bản của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về phát triển Ngành và các lĩnh vực. Cần tập trung làm tốt những định hướng phát triển của ngành Văn hoá, Thể thao và Du lịch năm 2018, cụ thể như sau:*

1. Tăng cường công tác phối hợp để triển khai thực hiện tốt Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện các Nghị quyết, Kết luận của Ban Chấp hành Trung ương và của Bộ Chính trị.

2. Tăng cường quản lý Nhà nước các hoạt động văn hoá, gia đình, thể dục thể thao và du lịch. Tăng cường công tác đối ngoại, giao lưu khu vực và quốc tế về văn hoá, gia đình, thể thao và du lịch. Đổi mới công tác, quy hoạch, kế hoạch và điều chỉnh phát triển ngành, lĩnh vực theo cơ chế thị trường; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin quy hoạch thống nhất trên phạm vi toàn Ngành.

3. Đẩy mạnh tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Hội nghị lần thứ 9 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; Chiến lược phát triển Văn hoá đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 06/5/2009. Tiếp tục xây dựng nền văn hóa nước ta theo hướng phát huy các giá trị tốt đẹp và truyền thống văn hóa dân tộc, đồng thời tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới nhằm dần bắt kịp sự phát triển của thời đại. Xây dựng kế hoạch, chương trình phát triển văn hóa gắn với phát triển du lịch và các hoạt động kinh tế. Tăng mức hưởng thụ văn hoá và đời sống cho đồng bào các dân tộc ít người; tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Xây dựng và triển khai Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa. Tập trung triển khai thực hiện tốt các dự án theo đúng đối tượng, nội dung, nhiệm vụ tại Quyết định số 936/QĐ-TTg ngày 30/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển Văn hóa.

4. Chú trọng tổ chức và hướng dẫn việc thu thập, lưu trữ thông tin về gia đình; tuyên truyền, giáo dục các giá trị đạo đức, lối sống, cách ứng xử trong gia đình; hướng dẫn thực hiện hoạt động tư vấn về gia đình ở cơ sở; bồi dưỡng cán bộ làm công tác phòng, chống bạo lực gia đình.

5. Đẩy mạnh phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng rộng khắp trên cả nước, tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, “Dân cường nước thịnh”, “Thể dục, thể thao vì sức khoẻ và hạnh phúc của con người”... Duy trì thể thao thành tích cao để thể thao Việt Nam luôn ổn định ở vị trí là một trong 03 quốc gia đứng đầu về thể thao ở khu vực và có thứ hạng từ 14 đến 12 của châu lục.



6. Đẩy mạnh tuyên truyền; phổ biến và tích cực triển khai các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra tại Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị “Về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn”; Nghị quyết số 92/NQ-CP ngày 08/12/2014 của Chính phủ về một số giải pháp đẩy mạnh phát triển du lịch Việt Nam trong thời kỳ mới. Thúc đẩy phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; khai thác hợp lý các nguồn lực phát triển du lịch theo hướng bảo vệ môi trường nhằm phát triển bền vững; đẩy mạnh liên kết vùng, tỉnh nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch theo tiêu chuẩn quốc tế để tăng tỷ lệ khách du lịch đến Việt Nam; tạo động lực thúc đẩy các ngành khác cùng phát triển, giúp chuyển dịch cơ cấu kinh tế và xoá đói giảm nghèo; góp phần giữ gìn, phát huy các giá trị truyền thống và bảo vệ an ninh, quốc phòng. Tăng cường chất lượng dịch vụ, xúc tiến du lịch mạnh mẽ; tăng cường các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh cho khách du lịch, đảm bảo an toàn giao thông, tạo thuận lợi cho du khách đi lại; xây dựng sản phẩm du lịch, đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch để tạo điều kiện đón khách du lịch trong nước và quốc tế nhằm phát triển du lịch bền vững.

7. Chú trọng hơn nữa công tác đầu tư các thiết chế văn hoá, thể dục thể thao; tập trung xây dựng và cải tạo các công trình tiêu biểu có ý nghĩa lớn ở Trung ương và địa phương; tập trung nguồn lực thông qua Chương trình mục tiêu phát triển hạ tầng du lịch để đầu tư hỗ trợ các địa phương nhằm hoàn thành các công trình chuyển tiếp và các công trình khởi công mới nhằm thúc đẩy phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước. Đẩy mạnh xây dựng và thực hiện các Đề án chủ yếu thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới bao gồm: Đề án “Xây dựng và rà soát các chế độ chính sách đối với các hoạt động văn học, nghệ thuật; chính sách khuyến khích sáng tác trong các hoạt động văn học, nghệ thuật” (Quyết định số 316/QĐ-TTg ngày 01/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ); Đề án xây dựng chính sách thẩm định, quảng bá, thuế ưu đãi... đối với các tác phẩm văn học, nghệ thuật trong nước; văn hóa phẩm của Việt Nam đưa ra nước ngoài và giới thiệu tinh hoa văn học, nghệ thuật của thế giới vào Việt Nam; chính sách sưu tầm, chỉnh lý, bảo tồn, phát huy, quảng bá văn học, nghệ thuật dân tộc và phát triển văn học, nghệ thuật quần chúng” (Quyết định số 645/QĐ-TTg ngày 29/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ); Đề án “Xây dựng kế hoạch nâng cấp, xây mới các công trình văn hóa (Nhà văn hóa, rạp chiếu phim, nhà triển lãm) từ 2012-2020” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 88/QĐ-TTg ngày 09/01/2013; Quyết định số 1270/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam đến năm 2020”. Triển khai thực hiện tốt các danh mục dự án đầu tư văn hoá, thể thao 5 năm 2016-2020 ở



các vùng kinh tế trọng điểm, vùng Tây Nguyên, vùng Đồng bằng sông Cửu Long, vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ...

8. Tăng nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước để đẩy mạnh đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao ở cấp xã, phường, thị trấn, đặc biệt là thiết chế văn hóa, thể thao thôn, bản ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng biên giới, hải đảo.

9. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa văn hóa, thể dục thể thao theo định hướng tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ và Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới. Đẩy mạnh triển khai thực hiện các hoạt động văn hóa đọc. Tăng cường quản lý các lễ hội, hoạt động văn hóa, thể thao, bảo đảm tiết kiệm, an ninh trật tự xã hội; huy động các nguồn lực xã hội để tổ chức các lễ hội, hạn chế tối đa việc sử dụng ngân sách để tổ chức lễ hội.

10. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra thuộc lĩnh vực văn hoá, gia đình, thể dục thể thao và du lịch; củng cố đội ngũ thanh tra chuyên ngành, xây dựng kế hoạch thanh tra hàng năm và xử lý kịp thời các trường hợp sai phạm.

11. Các địa phương có các địa điểm tiềm năng có thể trở thành Khu du lịch quốc gia, Điểm du lịch quốc gia trong Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 22/01/2013 chủ động báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao lập các Quy hoạch tổng thể theo quy định của Luật Du lịch năm 2005 và Luật Du lịch sửa đổi năm 2017 để thẩm định, trình phê duyệt theo quy định *(theo hướng dẫn tại Biểu 6 kèm theo Công văn này)*.

12. Căn cứ kết quả đánh giá tình hình thực hiện 06 tháng đầu năm và ước cả năm 2017, xây dựng hệ thống chỉ tiêu phát triển sự nghiệp Ngành văn hoá, thể thao và du lịch năm 2018 phù hợp với hệ thống chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2016-2020 của cả nước, địa phương và hệ thống chỉ tiêu kế hoạch phát triển văn hoá, thể thao và du lịch 05 năm 2016-2020 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trong đó, lưu ý chỉ đưa ra được các chỉ tiêu chủ yếu, có phương pháp tính toán rõ ràng, có khả năng thu thập được, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2016-2020 của cả nước, địa phương và định hướng phát triển văn hoá, thể thao và du lịch 05 năm 2016-2020 *(theo hướng dẫn tại Biểu 1 kèm theo Công văn này)*.



#### **IV. NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP NGÀNH VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH NĂM 2018:**

1. Tuân thủ các quan điểm, mục tiêu, định hướng và giải pháp được đề ra trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc Đảng lần thứ XII, Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, Nghị quyết của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc Đảng lần thứ XII và Nghị quyết của Quốc hội và Kế hoạch hành động của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc Đảng lần thứ XII, Nghị quyết của Quốc hội và Nghị quyết của Chính phủ cũng như các quy định của pháp luật.

2. Bám sát tình hình thực tế tại địa phương để đề xuất những nhiệm vụ phù hợp, có tính chất cấp bách, quan trọng, có tính khả thi cao và theo các Quy hoạch, Đề án và Kế hoạch dài hạn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; trong đó, chỉ đề xuất những nhiệm vụ có tính phục vụ cộng đồng cao, có khả năng bố trí quỹ đất xây dựng, có khả năng cân đối ngân sách Nhà nước cũng như có khả năng thu hút các nguồn lực đầu tư từ xã hội.

#### **V. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2018:**

##### **1. Về dự toán thu ngân sách Nhà nước năm 2018:**

Phải được xây dựng tích cực, trên cơ sở quy định pháp luật về thu ngân sách, khả năng thực hiện năm 2017, dự báo các yếu tố thay đổi về năng lực sản xuất kinh doanh có tính đến tác động của quá trình hội nhập quốc tế. Tăng cường hơn nữa công tác quản lý thu, rà soát các khoản thu từ các dự án đầu tư đã hết thời gian ưu đãi, các khoản thu được phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán... (theo hướng dẫn tại Biểu 2 kèm theo Công văn này).

##### **2. Về dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2018:**

2.1. Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2018 (bao gồm cả chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi cải cách tiền lương, chi các nhiệm vụ đột xuất):

Được xây dựng dựa trên cơ sở kiểm soát chi tiêu, tiết kiệm, hiệu quả, bảo đảm cân đối thu chi ngân sách Nhà nước theo dự toán được duyệt. Trong đó, dự toán chi sự nghiệp cho lĩnh vực văn hóa đạt tối thiểu 2% tổng chi ngân sách nhà nước toàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để đáp ứng nhiệm vụ trong tình hình mới; tổng chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước năm 2018 phải thực hiện đúng quy định của Luật Đầu tư công, các Nghị định của Chính phủ (theo hướng dẫn tại Biểu 2 kèm theo Công văn này).

2.2. Chương trình mục tiêu Phát triển văn hóa, Chương trình mục tiêu phát triển Hạ tầng du lịch và các dự án có lồng ghép nguồn kinh phí của Chương trình mục tiêu quốc gia Nông thôn mới:

Dự kiến kế hoạch được lập phải căn cứ vào Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt từng Chương trình (trong đó có Quyết định số 936/QĐ-TTg ngày 30/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Phát triển văn hóa giai đoạn 2016-2020), Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26/8/2016 của Chính phủ, Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2016-2020 và khả năng cân đối ngân sách Nhà nước năm 2018 của cả Trung ương và địa phương (theo hướng dẫn tại Biểu 4 và Biểu 5 kèm theo Công văn này).

2.3. Đối với các Chương trình, Dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài:

Việc lập dự toán kế hoạch đầu tư công vốn ODA và vốn vay ưu đãi cấp phát từ ngân sách trung ương phải bảo đảm phù hợp với tiến độ cam kết theo Hiệp định đã ký với nhà tài trợ nước ngoài, khả năng thực hiện của dự án năm 2018 và trong phạm vi hạn mức quy định tại Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020, Kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn 2016 - 2020. Ưu tiên bố trí đủ kế hoạch vốn cho các dự án kết thúc hiệp định trong năm kế hoạch. Có tính toán dự báo về các hạn mức sau năm 2020 làm cơ sở cho việc chuẩn bị, đàm phán, hoàn thành thủ tục cho các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi mới.

Đối với mỗi chương trình, dự án ODA và vốn vay ưu đãi, khi lập dự toán cần phân định rõ loại tài trợ (vốn vay, vốn viện trợ), cơ chế tài chính (cấp phát, cho vay lại), tính chất đầu tư (xây dựng cơ bản, hành chính sự nghiệp) và thẩm quyền lập và giao kế hoạch (đối với các dự án ô).

2.4. Tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác quyết toán; kiểm tra, xét duyệt và thẩm định quyết toán ngân sách Nhà nước năm 2016 theo đúng quy định; thực hiện công khai quyết toán ngân sách Nhà nước năm 2015; tiến hành thanh tra, kiểm tra, giám sát việc quản lý và sử dụng vốn đầu tư phát triển; xử lý, giải quyết ngay từ khâu xây dựng dự toán đối với những tồn tại, sai phạm trong bố trí dự toán chi ngân sách Nhà nước chưa phù hợp với tình hình thực tế triển khai thực hiện và Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân đã được cơ quan thanh tra, kiểm toán phát hiện, kiến nghị theo đúng quy định của pháp luật.

2.5. Đối với kế hoạch đầu tư nguồn thu để lại cho đầu tư chưa đưa vào cân đối ngân sách Nhà nước tính toán xác định đủ các khoản thu theo quy định của



Luật Đầu tư công, trong đó lưu ý việc sử dụng nguồn thu từ bán tài sản phải lập kế hoạch đầu tư từ nguồn thu này.

### **3. Về kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2018 - 2020:**

Việc lập kế hoạch phải thực hiện đúng theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ về quy định chi tiết việc lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

### **4. Về Kế hoạch đầu tư công năm 2018:**

Xây dựng kế hoạch năm 2018 theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, các văn bản hướng dẫn thi hành luật, trong đó lưu ý các nguyên tắc tại mục IV, khoản B của Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 05/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2018; Thông tư số 03/2017/TT-BKHĐT ngày 25/4/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chế độ báo cáo việc lập, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công; Hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 5598/BKHĐT-TH ngày 10/7/2017 về việc lập Kế hoạch đầu tư công năm 2018; và các quy định của pháp luật.

## **C. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

1. Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khẩn trương hoàn thiện Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng XII, Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của Chính phủ và Quyết định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2016-2020, nhất là Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị "Về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn"; sớm hoàn thiện các Quy hoạch và điều chỉnh Quy hoạch phát triển các lĩnh vực văn hoá, gia đình, thể dục thể thao và du lịch để làm căn cứ tổ chức, triển khai thực hiện kế hoạch hàng năm.

2. Đề xuất các nhiệm vụ cần ưu tiên đầu tư cũng như thu hút các nguồn lực từ xã hội để xây dựng và đảm bảo hoạt động thường xuyên của các thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng như: Trung tâm văn hóa thể thao ở làng, bản; Nhà văn hóa trung tâm, bảo tàng, thư viện, rạp hát, rạp chiếu bóng, tượng đài nghệ thuật, công viên, khu vui chơi giải trí; công trình thể thao cơ bản như sân vận động, bể bơi, nhà thi đấu; phấn đấu trường học có thư viện, tủ sách giáo khoa dùng chung.

3. Nhằm thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển văn hoá, thể thao và du lịch; trước mắt đẩy mạnh tổ chức phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn thực



hiện các Luật và các Nghị định, văn bản thực hiện Luật như: Luật Du lịch sửa đổi năm 2017, Luật Di sản văn hoá, Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Di sản văn hoá, Luật Điện ảnh, Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Điện ảnh, Luật Phòng, chống bạo lực Gia đình, Luật Thể dục thể thao, Luật Du lịch... Xây dựng và đẩy mạnh thực hiện cơ chế phối hợp giữa ngành văn hoá, thể thao và du lịch với các ngành, địa phương liên quan và tăng cường vai trò của các Hiệp hội, Doanh nghiệp liên quan đến hoạt động văn hoá, thể thao và du lịch.

#### **D. TIẾN ĐỘ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

1. Các Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào hướng dẫn, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kết hợp với những nội dung hướng dẫn chuyên ngành nêu trên để xây dựng Kế hoạch; thống nhất với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính của tỉnh, thành phố trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về Kế hoạch phát triển sự nghiệp ngành văn hoá, thể thao và du lịch và Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2018 trước khi gửi về Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

2. Thời hạn nộp Kế hoạch về Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch (*qua Vụ Kế hoạch, Tài chính và Email: [duclam2013@gmail.com](mailto:duclam2013@gmail.com)*) trước ngày 29/7/2017, để tổng hợp trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính. Địa chỉ liên hệ: Ông Vũ Thế Đức, Trưởng Phòng Kế hoạch tổng hợp và Quy hoạch - Vụ Kế hoạch, Tài chính - Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch. Điện thoại cố định: 043.9435343; ĐTDĐ: 0983.832.838.

Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch yêu cầu các Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao và Giám đốc Sở Du lịch tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai tổ chức thực hiện Công văn hướng dẫn này. /

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ (*để báo cáo TTCP*);
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các UBND tỉnh, TP trực thuộc TƯ (*để chỉ đạo các Sở có liên quan*);
- Các Tổng cục, Văn phòng Bộ, Cục, Vụ trực thuộc;
- Lưu: VT, KHTC, ĐL.(230).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



*Nguyễn Đình Di*



## BIỂU MẪU 1:

**BÁO CÁO CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP NGÀNH VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH NĂM 2018***(Ban hành theo Công văn số: 3060/BVHTTDL-KHTC ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)*

TỈNH, THÀNH PHỐ .....

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2017	Ước thực hiện cả năm 2017	Kế hoạch năm 2018
1	Chỉ NSNN cho ngành VH TTDL/tổng chỉ NSNN toàn tỉnh	%			
2	Tỷ lệ xã, phường đạt chuẩn văn hoá	%			
3	Tỷ lệ xã, phường có nhà văn hoá	%			
4	Tỷ lệ làng, bản, thôn xóm, ấp, khu phố đạt chuẩn văn hoá	%			
5	Tỷ lệ làng, bản, thôn xóm, ấp, khu phố có nhà văn hoá	%			
6	Số điểm vui chơi trẻ em được đầu tư	Điểm			
7	Tỷ lệ gia đình đạt chuẩn văn hoá	%			

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2017	Ước thực hiện cả năm 2017	Kế hoạch năm 2018
8	Tỷ lệ làng, bản có thư viện, tủ sách công cộng	%			
9	Số di sản văn hóa được UNESCO và quốc gia, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương công nhận	Di tích			
10	Tỷ lệ số người luyện tập thể dục thể thao thường xuyên	%			
11	Tỷ lệ gia đình luyện tập thể dục thể thao	%			
12	Số vận động viên thành tích cao	VĐV			
	Bao gồm: - Cấp Kien tướng	VĐV			
	- Cấp I	VĐV			
13	Số vận động viên được tập trung đào tạo	VĐV			
	Trong đó: - Số vận động viên trẻ	VĐV			
14	Số đoàn nghệ thuật công lập chuyển sang hoạt động tự chủ	Đoàn			
15	Số huy chương đạt được	Huy chương			
	Trong đó: - Quốc tế (chính thức)	Huy chương			
	- Quốc gia	Huy chương			



TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2017	Ước thực hiện cả năm 2017	Kế hoạch năm 2018
16	Số lượt người đến Bảo tàng	Lượt người/năm			
17	Số lượt người đến Rạp hát	Lượt người/năm			
18	Số lượt người xem phim	Lượt người/năm			
19	Số buổi chiếu phim lưu động	Buổi			
20	Tỷ lệ công trình văn hoá của đồng bào dân tộc thiểu số được duy trì phát triển/ tổng số được thống kê	%			
21	Số lượng di sản văn hoá phi vật thể truyền thống được sưu tầm, phát huy	Dự án			
22	Tổng số khách du lịch	Nghìn lượt			
	a, Trong đó: - Khách quốc tế đến	Nghìn lượt			
	- Khách nội địa	Nghìn lượt			
	b, Trong đó: + Khách đi trong ngày	Nghìn lượt			
	+ Khách có lưu trú	Nghìn lượt			
	Số khách sạn:	Khách sạn			
23	- Số khách sạn từ 3 sao trở lên	Khách sạn			

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2017	Ước thực hiện cả năm 2017	Kế hoạch năm 2018
	- Số khách sạn từ 3 sao trở xuống	Khách sạn			
24	Tổng thu từ khách du lịch	Tỷ đồng			
25	Đầu tư phát triển. Trong đó:				
	a, Số dự án:	Dự án			
	+ Đầu tư nước ngoài	Dự án			
	+ Đầu tư trong nước	Dự án			
	b, Vốn đầu tư:	Tỷ đồng			
	+ Vốn đầu tư nước ngoài	Tỷ đồng			
	+ Vốn đầu tư trong nước	Tỷ đồng			
26	Đào tạo cán bộ. Trong đó:	Người			
	a, Số lượng cán bộ, công chức, viên chức	Người			
	b, Cơ cấu, chất lượng cán bộ, công chức, viên chức:				
	- Trình độ sau đại học	Người			
	- Trình độ đại học	Người			



TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2017	Ước thực hiện cả năm 2017	Kế hoạch năm 2018
	- Trình độ cao đẳng	Người			
	- Bồi dưỡng cán bộ	Người			
	Số đề tài nghiên cứu khoa học	Đề tài			
27	Trong đó: - Số đề tài cấp tỉnh/thành phố	Đề tài			
28	Tỷ lệ huy động các nguồn lực khác đầu tư cho ngành VH-TTDL/GDP	%			
	Chỉ tiêu phát triển trong lĩnh vực sự nghiệp gia đình				
	a) Tại cấp tỉnh				
29	- Số nạn nhân bị bạo lực gia đình được phát hiện và tư vấn/hỗ trợ	Người			
	- Số cơ sở tư vấn, trợ giúp, hỗ trợ nạn nhân bị bạo lực gia đình	Cơ sở			
	b) Tại cấp xã/phường				
	- Tỷ lệ xã/phường có Ban chỉ đạo mô hình PCBLGD	%			
	- Tỷ lệ làng/bản có CLB Gia đình phát triển bền vững	%			

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2017	Ước thực hiện cả năm 2017	Kế hoạch năm 2018
	- Tỷ lệ xã/phường tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục đời sống gia đình	%			
	- Tỷ lệ xã/phường xây dựng kế hoạch công tác gia đình	%			
	- Tỷ lệ xã/phường xây dựng kế hoạch phòng chống BLGD	%			

GIÁM ĐỐC SỞ

(Ký tên, đóng dấu)



## BIỂU MẪU 2:

## DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2018

(Ban hành theo Công văn số: 3060/BVHTTDL-KHTC ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

TỈNH, THÀNH PHỐ.....

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán được giao năm 2017	Ước thực hiện năm 2017	Dự toán năm 2018
A	Thu sự nghiệp			
1.	Thu sự nghiệp văn hoá, thể thao và du lịch			
2.	Thu sự nghiệp khác			
B	Tổng chi ngân sách			
I	Chi sự nghiệp VH TTDL thuộc Sở			
1.	Chi cho Văn hoá			
1.1.	Sự nghiệp Di sản văn hoá			
1.2.	Sự nghiệp Văn hoá cơ sở			
1.3.	Sự nghiệp Điện ảnh			
1.4.	Sự nghiệp Nghệ thuật biểu diễn, Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm			
2.	Chi cho Gia đình			

TT	Nội dung	Dự toán được giao năm 2017	Ước thực hiện năm 2017	Dự toán năm 2018
3.	Chi cho Thể dục thể thao			
4.	Chi cho Du lịch			
5.	Chi khác			
II	Chi sự nghiệp VH-TT-DL cấp huyện			
III	Chi sự nghiệp VH-TT-Thao cấp xã (phường, thị trấn)			
IV	Quản lý hành chính			
	Cơ quan sở, trung tâm			
V	Sự nghiệp kinh tế			
	Tài trợ chiếu phim vùng sâu, vùng xa			
VI	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề			
VII	Xây dựng cơ bản			
VIII	Mua sắm tài sản cố định			
IX	Thực hiện những dự án trọng điểm trong QH, Đề án đã được phê duyệt			
1.	Tên Quyết định phê duyệt và tổng dự toán			
2.	Bố trí từ nguồn ngân sách địa phương			
3.	Ngân sách Trung ương hỗ trợ			

GIÁM ĐỐC SỞ  
(Ký tên, đóng dấu)



## BIỂU MẪU 3:

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2017

(Ban hành theo Công văn số: 3060/BVHTTDL-KHTC ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

TỈNH/THÀNH PHỐ.....

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên Dự án, công trình	Chủ đầu tư	Số QĐ đầu tư	Thời gian KC-HT	Vốn đầu tư được duyệt		Kế hoạch năm 2017		Thực hiện năm 2017		
					Tổng số	Trong đó Vốn NSTW hỗ trợ	Tổng số	Trong đó Vốn NSTW hỗ trợ	Giải ngân từ khởi công đến 30/6/17	Giải ngân từ 01/01/17 đến 30/6/17	Ước thực hiện từ 01/01/17 đến 31/12/17
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	<b>Tổng số</b>										
1.	Dự án hoàn thành trong năm 2017										
2.	Dự án chuyển tiếp										
3.	Dự án khởi công mới 2017										

GIÁM ĐỐC SỞ  
(Ký tên, đóng dấu)

## BIỂU MẪU 4:

## KẾ HOẠCH CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN VĂN HÓA NĂM 2018

(Ban hành theo Công văn số: 3060/BVHTTDL-KHTC ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

TỈNH, THÀNH PHỐ.....

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN	Thực hiện năm 2017						Dự kiến năm 2018						
		TỔNG SỐ	Chia ra					TỔNG SỐ	Chia ra					
			Ngân sách Trung ương			Ngân sách ĐP	Vốn huy động khác		Ngân sách Trung ương			Ngân sách ĐP	Vốn huy động khác	
			Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó				
			Vốn ĐTPT	Vốn NSSN					Vốn ĐTPT	Vốn NSSN				
	TỔNG SỐ													
1	Dự án 1: Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa													
1.1	Dự án:.....													
1.2	Dự án:.....													
2	Dự án 2: Tăng cường đầu tư xây dựng, phát triển hệ thống thiết chế văn hóa													
2.1	Dự án:.....													
2.2	Dự án:.....													



TT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN	Thực hiện năm 2017						Dự kiến năm 2018					
		TỔNG SỐ	Chia ra				TỔNG SỐ	Chia ra					
			Ngân sách Trung ương		Ngân sách ĐP	Vốn huy động khác		Ngân sách Trung ương		Ngân sách ĐP	Vốn huy động khác		
			Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				
				Vốn ĐTPT					Vốn NSSN			Vốn ĐTPT	Vốn NSSN
3	Dự án 3: Phát triển các loại hình nghệ thuật biểu diễn												
3.1	Dự án:.....												
3.2	Dự án:.....												

**GIÁM ĐỐC SỞ**  
(Ký tên và đóng dấu)

## BIỂU MẪU 5:

## KẾ HOẠCH CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG DU LỊCH NĂM 2018

(Ban hành theo Công văn số: 3060/BVHTTDL-KHTC ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

TỈNH, THÀNH PHỐ.....

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN	Thực hiện năm 2017						Dự kiến năm 2018					
		TỔNG SỐ	Chia ra					TỔNG SỐ	Chia ra				
			Ngân sách Trung ương			Ngân sách ĐP	Vốn huy động khác		Ngân sách Trung ương			Ngân sách ĐP	Vốn huy động khác
			Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó			
				Vốn ĐTPT	Vốn NSSN					Vốn ĐTPT	Vốn NSSN		
	TỔNG SỐ												
1	Dự án xây dựng Đường từ trục chính đến Khu du lịch, Điểm du lịch quốc gia, địa bàn trọng điểm phát triển du lịch vùng												
1.1	Dự án:.....												
1.2	Dự án:.....												



TT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN	Thực hiện năm 2017						Dự kiến năm 2018					
		TỔNG SỐ	Chia ra				TỔNG SỐ	Chia ra					
			Ngân sách Trung ương		Ngân sách ĐP	Vốn huy động khác		Ngân sách Trung ương		Ngân sách ĐP	Vốn huy động khác		
			Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				
				Vốn ĐTPT					Vốn NSSN			Vốn ĐTPT	Vốn NSSN
2	Dự án xây dựng đường trục chính, hệ thống xử lý chất thải trong khu, điểm du lịch quốc gia												
2.1	Dự án:.....												
2.2	Dự án:.....												

**GIÁM ĐỐC SỞ**  
(Ký tên và đóng dấu)

## BIỂU MẪU 6:

## DANH MỤC CÁC DỰ ÁN QUY HOẠCH

(Ban hành theo Công văn số: 3060/BVHTTDL-KHTC ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

TỈNH/THÀNH PHỐ.....

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Cấp phê duyet	Thời gian BĐ-KT	Tổng DT được duyet	Năm 2017		Kế hoạch năm 2018		
					Ước TH 06 tháng	Ước thực hiện cả năm	Tổng số	Trong đó	
								Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	<b>TỔNG SỐ</b>								
1.	Dự án quy hoạch chuyển tiếp								
	- Dự án quy hoạch								
	- Dự án quy hoạch								
2.	Dự án quy hoạch triển khai mới								
	- Dự án quy hoạch								
	- Dự án quy hoạch								

GIÁM ĐỐC SỞ

(Ký tên, đóng dấu)